

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFOR ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Căn cứ thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán

Căn cứ báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty cổ phần Vinafor Đà Nẵng

Căn cứ báo cáo kiểm toán ngày 16/12/2016 của Công ty kiểm toán và kế toán AFC địa chỉ

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2015 đến 31/12/2015

TT	CHỈ TIÊU	Năm 2015 VNĐ	Năm 2014 VNĐ
1	Tổng giá trị tài sản	55,262,549,861	61,211,973,840
2	Doanh thu thuần	196,049,365,795	167,996,682,911
3	Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh	2,476,464,846	3,782,700,527
4	Lợi nhuận khác	529,619,184	11,379,055
5	Lợi nhuận trước thuế	3,006,084,030	3,794,079,582
6	Lợi nhuận sau thuế	2,326,460,458	2,950,304,187
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (Cổ tức 2015 dự kiến 10%/Vốn điều lệ)	86.75	82.09



CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Từ ngày 01/01/2015 đến 31/12/2015

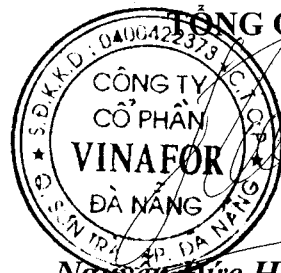
TT	CHỈ TIÊU	Năm 2015	Năm 2014
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
	- Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	1.388	1.303
	- Hệ số thanh toán nhanh (TSLĐ - Hàng tồn kho/Nợ ngắn hạn)	0.506	0.653
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
	- Hệ số nợ/Tổng tài sản {Nợ phải thu (ngắn hạn+dài hạn)/Tổng tài sản}	0.152	0.333
	- Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu (Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu)	0.885	1.092
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
	- Vòng quay hàng tồn kho: (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)(hàng tồn kho bình quân = (Đầu kỳ + Cuối kỳ chia 2)	8.466	8.538
	- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	3.548	2.745
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
	- Hệ số lợi nhuận sau thuế /Doanh thu thuần	0.012	0.018
	- Hệ số lợi nhuận sau thuế /Vốn chủ sở hữu	0.079	0.101
	- Hệ số lợi nhuận sau thuế /Tổng tài sản	0.042	0.048
	- Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh /Doanh thu thuần	0.013	0.023



Đà Nẵng, ngày 26 tháng 02 năm 2015

PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN

Thái Văn Khoa



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đức Huy